

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

*Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
đã được soát xét*

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-25
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09-25

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại là công ty cổ phần được thành lập tại Hải Phòng, Việt Nam hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ vận tải thủy theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0200387594 ngày 28 tháng 10 năm 2010 do Sở Đầu tư Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Tất Hưng	Chủ tịch	
Ông Đỗ Văn Hội	Phó chủ tịch	
Ông Phan Duy Vân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25/05/2013
Ông Cao Minh Tuấn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 25/05/2013
Bà Trần Thị Kim Lan	Ủy viên	
Ông Mai Xuân Ngoạt	Ủy viên	
Ông Vương Ngọc Sơn	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Tất Hưng	Giám đốc
-----------------	----------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đỗ Ngọc Thao	Trưởng ban
Ông Bùi Ngọc Thanh	Thành viên
Ông Đan Hải Long	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Lê Tất Hưng

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2013

Số: /2013/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO

KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được lập ngày 20 tháng 07 năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 được trình bày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Vũ Xuân Biển

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		42.460.405.953	43.538.156.871
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.547.110.379	2.687.626.063
111	1. Tiền		4.547.110.379	2.687.626.063
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		28.844.753.445	24.203.997.269
131	1. Phải thu của khách hàng		7.670.319.663	3.502.369.899
132	2. Trả trước cho người bán		697.073.948	221.023.010
135	5. Các khoản phải thu khác	4	20.663.131.464	20.666.375.990
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(185.771.630)	(185.771.630)
140	IV. Hàng tồn kho	5	7.357.036.682	11.857.620.662
141	1. Hàng tồn kho		7.357.036.682	11.857.620.662
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.711.505.447	4.788.912.877
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		861.206.428	4.951.818
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		358.574.499	4.263.080.860
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	4.543.977	4.543.977
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	487.180.543	516.336.222
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		161.702.219.023	184.264.278.001
220	II. Tài sản cố định		158.437.421.482	184.250.078.001
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	151.182.125.482	174.693.501.597
222	- Nguyên giá		245.325.519.916	268.728.363.825
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(94.143.394.434)	(94.034.862.228)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	7.255.296.000	7.255.296.000
228	- Nguyên giá		7.255.296.000	7.282.609.900
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(27.313.900)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	2.301.280.404
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.264.797.541	14.200.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	3.250.597.541	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		14.200.000	14.200.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		204.162.624.976	227.802.434.872

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		125.019.469.645	148.176.965.812
310	I. Nợ ngắn hạn		51.916.958.245	66.444.150.872
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	22.873.100.000	28.896.143.417
312	2. Phải trả người bán		20.389.840.684	22.094.742.116
313	3. Người mua trả tiền trước		1.057.288.084	1.330.514.515
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	76.723.656	42.227.929
315	5. Phải trả người lao động		2.010.424.091	1.153.754.476
316	6. Chi phí phải trả	13	2.716.012.936	8.194.967.027
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	2.488.723.648	4.396.756.246
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		304.845.146	335.045.146
330	II. Nợ dài hạn		73.102.511.400	81.732.814.940
334	4. Vay và nợ dài hạn	15	73.102.511.400	81.732.814.940
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		79.143.155.331	79.625.469.060
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	79.143.155.331	79.625.469.060
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		60.000.000.000	60.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.169.335.000	17.169.335.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		2.047.519.690	2.047.519.690
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.543.003.763	2.543.003.763
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.616.703.122)	(2.134.389.393)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		204.162.624.976	227.802.434.872

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		97.614,96	80.995,62

Lê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2013

Trần Thị Kim Lan
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	111.231.610.596	81.340.624.453
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		111.231.610.596	81.340.624.453
11	4. Giá vốn hàng bán	18	103.900.138.386	82.299.637.551
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.331.472.210	(959.013.098)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	238.211.288	194.696.032
22	7. Chi phí tài chính	20	4.156.935.144	2.778.056.331
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		2.700.282.524	2.666.302.391
24	8. Chi phí bán hàng	21	652.113.571	315.284.940
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	2.750.987.904	3.003.920.968
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.646.879	(6.861.579.305)
31	11. Thu nhập khác	23	15.760.074.887	153.739.635
32	12. Chi phí khác	24	16.252.035.495	9.268.664
40	13. Lợi nhuận khác		(491.960.608)	144.470.971
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(482.313.729)	(6.717.108.334)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(482.313.729)</u>	<u>(6.717.108.334)</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	(80)	(1.120)

Lê Tất Hưng
Giám đốcTrần Thị Kim Lan
Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		111.633.943.579	81.874.811.702
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(99.017.102.410)	(88.071.156.750)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(9.722.071.243)	(11.069.953.761)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(3.212.440.750)	(3.233.221.196)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	(73.040.456)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		25.644.317.569	24.123.912.531
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(24.008.752.655)	(8.421.335.870)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.317.894.090	(4.869.983.800)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(22.946.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		16.413.363.637	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.994.405	198.178.349
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		16.427.358.042	175.232.349
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		4.274.340.206	3.060.244.636
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(20.170.503.623)	(13.407.275.192)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(15.896.163.417)	(10.347.030.556)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.849.088.715	(15.041.782.007)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		2.687.626.063	21.055.054.619
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		10.395.601	(24.903.171)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	4.547.110.379	5.988.369.441

Lê Tất Hưng
Giám đốc

Trần Thị Kim Lan
Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại là công ty cổ phần được thành lập tại Hải Phòng, Việt Nam hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ vận tải thủy theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0200387594 ngày 28 tháng 10 năm 2010 do Sở Đầu tư Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng; tương đương 6.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Số 11A Lầu 1 - Hoàng Diệu - Phường 12 - Quận 4 Thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200387594 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 10 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách trong và ngoài nước;
- Dịch vụ đại lý: tàu biển, liên hiệp vận chuyển, giao nhận hàng hóa, môi giới và cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, đầu tư xây dựng cho thuê văn phòng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước: cung ứng và cho thuê thuyền viên.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải | 06 - 15 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 năm |

Trong kỳ Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước ngắn hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn không quá 3 năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	588.628.121	591.875.752
Tiền gửi ngân hàng	3.958.482.258	2.095.750.311
	<u>4.547.110.379</u>	<u>2.687.626.063</u>

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Phải thu công ty bảo hiểm về chi phí khắc phục sự cố tàu ⁽¹⁾	18.009.003.857	18.009.003.857
Phải thu chủ hàng về chi phí khắc phục sự cố tàu ⁽²⁾	2.648.821.927	2.648.821.927
Phải thu khác	5.305.680	8.550.206
	<u>20.663.131.464</u>	<u>20.666.375.990</u>

(1) Khoản phải thu Công ty Bảo Việt Hải Phòng về chi phí khắc phục sự cố tàu Transco Star theo hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm tàu biển số 08/HĐBH-TB/2012 ngày 31/12/2012 giữa Công ty Bảo Việt Hải Phòng và Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại. Khoản phải thu sẽ được ghi giảm khi 02 bên làm quyết toán theo quy định tại hợp đồng và các phụ lục bổ sung.

(2) Khoản phải thu các chủ hàng về chi phí khắc phục sự cố tàu Transco Sky theo quy định tại các hợp đồng vận tải. Khoản phải thu sẽ được ghi giảm khi các bên làm quyết toán theo quy định tại hợp đồng và các phụ lục bổ sung.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

5 . HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.357.036.682	11.857.620.662
	<u>7.357.036.682</u>	<u>11.857.620.662</u>

6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.543.977	4.543.977
	<u>4.543.977</u>	<u>4.543.977</u>

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng	487.180.543	516.336.222
	<u>487.180.543</u>	<u>516.336.222</u>

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	268.597.433.004	130.930.821	268.728.363.825
Thanh lý, nhượng bán	(23.307.322.519)	-	(23.307.322.519)
Giảm khác	-	(95.521.390)	(95.521.390)
Số dư cuối kỳ	<u>245.290.110.485</u>	<u>35.409.431</u>	<u>245.325.519.916</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	93.923.139.433	111.722.795	94.034.862.228
Trích khấu hao	7.925.528.373	1.912.165	7.927.440.538
Thanh lý, nhượng bán	(7.740.682.803)	-	(7.740.682.803)
Giảm khác	-	(78.225.529)	(78.225.529)
Số dư cuối kỳ	<u>94.107.985.003</u>	<u>35.409.431</u>	<u>94.143.394.434</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu kỳ	<u>174.674.293.571</u>	<u>19.208.026</u>	<u>174.693.501.597</u>
Số dư cuối kỳ	<u>151.182.125.482</u>	<u>-</u>	<u>151.182.125.482</u>

Trong đó

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: VND 151.182.125.482
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: VND 18.482.740.918

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	7.255.296.000	27.313.900	7.282.609.900
Giảm khác ⁽¹⁾	-	(27.313.900)	(27.313.900)
Số dư cuối kỳ	7.255.296.000	-	7.255.296.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	-	27.313.900	27.313.900
Giảm khác	-	(27.313.900)	(27.313.900)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu kỳ	7.255.296.000	-	7.255.296.000
Số dư cuối kỳ	7.255.296.000	-	7.255.296.000

(1) Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tương ứng của các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được phân loại lại sang chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ theo quy định tại Thông tư TT 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013

Tài sản cố định vô hình Công ty còn đang theo dõi là quyền sử dụng lâu dài diện tích đất 595m² tại thửa đất số 05 lô 2B Khu đô thị mới ngã 5 Sân bay Cát Bi - Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng, hiện đang dùng làm tài sản thế chấp cho các hợp đồng vay của Công ty.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Số tăng trong kỳ	4.718.323.373	-
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(1.467.725.832)	-
Số dư cuối kỳ	3.250.597.541	-
Trong đó, chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:		
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sửa chữa định kỳ tàu Transco Sky chờ phân bổ	3.250.597.541	-
	3.250.597.541	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	5.550.000.000	12.019.233.417
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng	-	6.339.233.417
- Vay cá nhân ⁽¹⁾	5.550.000.000	5.680.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	17.323.100.000	16.876.910.000
- Vay dài hạn đến hạn trả	17.323.100.000	16.876.910.000
(Xem thuyết minh 15)		
	<u>22.873.100.000</u>	<u>28.896.143.417</u>

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Các khoản vay theo hợp đồng vay vốn cá nhân với lãi suất bằng lãi suất ngân hàng thương mại mà Công ty đang giao dịch, định kỳ 01 tháng xác định lãi suất 01 lần vào ngày 05 hàng tháng.

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	76.723.656	42.227.929
	<u>76.723.656</u>	<u>42.227.929</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tàu Transco Sun	-	3.200.000.000
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tàu Transco Sky	-	2.200.000.000
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tàu Transco Star	1.200.000.000	-
Chi phí lãi vay phải trả	1.483.512.937	1.995.671.163
Chi phí phải trả khác	32.499.999	799.295.864
	<u>2.716.012.936</u>	<u>8.194.967.027</u>

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	7.687.470	-
Phải trả cho Vinaship	1.030.907.523	1.364.195.342
Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên đã rời tàu	1.349.231.522	2.609.150.135
Phải trả thuế thu nhập cá nhân thu thừa	76.823.260	153.934.722
Phải trả, phải nộp khác	24.073.873	269.476.047
	<u>2.488.723.648</u>	<u>4.396.756.246</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

15 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	73.102.511.400	81.732.814.940
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng	73.102.511.400	81.732.814.940
	73.102.511.400	81.732.814.940

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/HĐDH/NHHB ngày 12 tháng 09 năm 2007 và bản sửa đổi hợp đồng tín dụng số 04 ngày 15 tháng 01 năm 2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 6.450.000 USD;
- + Mục đích vay: thanh toán tiền mua tàu chở hàng khô New Lucky XI theo bản ghi nhớ Hợp đồng ngày 14/06/2007 ký giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại và Công ty Franbo Navigator S.A., PANAMA;
- + Thời hạn cho vay: 9,5 năm (114 tháng) kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: là lãi suất thả nổi, định kỳ 3 tháng xác định 1 lần và bằng lãi suất huy động tiết kiệm USD 12 tháng trả lãi sau tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 3%/năm;
- + Số dư gốc vay dài hạn tại thời điểm cuối kỳ là 1.688.574 USD, tương đương với 35.628.911.400 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 315.000 USD, tương đương với 6.646.500.000 đồng.

(2) Hợp đồng tín dụng số 01/TSC-HB/2009 ngày 08 tháng 07 năm 2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 3.800.000 USD;
- + Mục đích vay: Thanh toán tiền mua tàu chở hàng khô HAWAIIAN EYE trọng tải 7.833 DWT theo bản ghi nhớ Hợp đồng ngày 26/06/2009 ký giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại và Continent Maritime S.A of PANAMA;
- + Thời hạn cho vay: 8 năm (96 tháng) kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: là lãi suất thả nổi, định kỳ 3 tháng xác định 1 lần và bằng lãi suất huy động tiết kiệm USD 12 tháng trả lãi sau tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 3%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 1.776.000 USD, tương đương với 37.473.600.000 đồng, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 506.000 USD, tương đương với 10.676.600.000 đồng.

Cả 2 hợp đồng vay trên đều được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu chở hàng khô Hà Tây trọng tải 8.294 DWT, tàu Transco Star, tàu Transco Sky và quyền sử dụng diện tích đất 595m² tại thửa đất số 05 lô 2B Khu đô thị mới ngã 5 Sân bay Cát Bi - Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/TSC-HB/2010 và 02/TSC-HB/2010 ngày 13 tháng 08 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	60.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>60.000.000.000</i>	<i>60.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>60.000.000.000</i>	<i>60.000.000.000</i>

d) Cổ phiếu

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>6.000.000</i>	<i>6.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>6.000.000</i>	<i>6.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.047.519.690	2.047.519.690
Quỹ dự phòng tài chính	2.543.003.763	2.543.003.763
	<u>4.590.523.453</u>	<u>4.590.523.453</u>

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>6 tháng đầu</u>	<u>6 tháng đầu</u>
	<u>năm 2013</u>	<u>năm 2012</u>
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	111.231.610.596	81.340.624.453
	<u>111.231.610.596</u>	<u>81.340.624.453</u>

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>6 tháng đầu</u>	<u>6 tháng đầu</u>
	<u>năm 2013</u>	<u>năm 2012</u>
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	103.900.138.386	82.299.637.551
	<u>103.900.138.386</u>	<u>82.299.637.551</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	13.994.405	171.472.995
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	224.216.883	23.223.037
	238.211.288	194.696.032

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.700.282.524	2.666.302.391
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	150.804.634	111.753.940
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.305.847.986	-
	4.156.935.144	2.778.056.331

21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	652.113.571	315.284.940
	652.113.571	315.284.940

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	53.346.952	31.061.955
Chi phí nhân công	2.089.473.903	2.262.950.785
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.912.165	1.443.376
Thuế, phí, lệ phí	7.508.000	7.074.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	436.021.563	490.826.765
Chi phí khác bằng tiền	162.725.321	210.564.087
	2.750.987.904	3.003.920.968

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

23 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	14.959.186.362	-
Tiền khách hàng thưởng do bốc xếp nhanh, hao hụt ít	440.393.446	-
Thu nhập từ bán nhiên liệu tồn trên tàu	356.395.064	-
Thu nhập từ tiền phạt phải thu khách hàng	-	125.373.349
Thu nhập khác	4.100.015	28.366.286
	15.760.074.887	153.739.635

24 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	15.577.276.079	-
Giá vốn nhiên liệu thu hồi để bán thanh lý	355.763.068	-
Tiền phạt do hao hụt vượt mức cho phép	318.845.843	-
Phạt vi phạm hành chính	-	9.248.443
Chi phí khác	150.505	20.221
	16.252.035.495	9.268.664

25 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(482.313.729)	(6.717.108.334)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	(482.313.729)	(6.717.108.334)
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(482.313.729)	(6.717.108.334)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(482.313.729)	(6.717.108.334)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(80)	(1.120)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.597.569.486	30.167.546.203
Chi phí nhân công	11.150.137.150	11.745.756.558
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.927.440.538	8.750.127.184
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.478.362.824	33.691.000.311
Chi phí khác bằng tiền	1.149.729.863	1.264.413.203
	<u>107.303.239.861</u>	<u>85.618.843.459</u>

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Các loại công cụ tài chính của Công ty**

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2013		01/01/2013	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.547.110.379	-	2.687.626.063	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.333.451.127	(185.771.630)	24.168.745.889	(185.771.630)
	<u>32.880.561.506</u>	<u>(185.771.630)</u>	<u>26.856.371.952</u>	<u>(185.771.630)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2013	01/01/2013		
	VND	VND	VND	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			95.975.611.400	110.628.958.357
Phải trả người bán, phải trả khác			22.878.564.332	26.491.498.362
Chi phí phải trả			2.716.012.936	8.194.967.027
			<u>121.570.188.668</u>	<u>145.315.423.746</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thu, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 30/06/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.547.110.379	-	-	4.547.110.379
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.147.679.497	-	-	28.147.679.497
	<u>32.694.789.876</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>32.694.789.876</u>
Tại 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.687.626.063	-	-	2.687.626.063
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.982.974.259	-	-	23.982.974.259
	<u>26.670.600.322</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>26.670.600.322</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 30/06/2013				
Vay và nợ	22.873.100.000	73.102.511.400	-	95.975.611.400
Phải trả người bán, phải trả khác	22.878.564.332	-	-	22.878.564.332
Chi phí phải trả	2.716.012.936	-	-	2.716.012.936
	48.467.677.268	73.102.511.400	-	121.570.188.668
Tại 01/01/2013				
Vay và nợ	28.896.143.417	81.732.814.940	-	110.628.958.357
Phải trả người bán, phải trả khác	26.491.498.362	-	-	26.491.498.362
Chi phí phải trả	8.194.967.027	-	-	8.194.967.027
	63.582.608.806	81.732.814.940	-	145.315.423.746

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:**

	Hoạt động vận tải biển	Hoạt động dịch vụ khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.976.179.776	32.255.430.820	111.231.610.596
Chi phí bộ phận trực tiếp	73.813.287.834	30.086.850.552	103.900.138.386
Chi phí không phân bổ	-	-	7.321.825.331
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.162.891.942	2.168.580.268	9.646.879
Tài sản bộ phận trực tiếp	194.654.731.671	4.578.488.770	199.233.220.441
Tài sản không phân bổ	-	-	4.929.404.535
Tổng tài sản	194.654.731.671	4.578.488.770	204.162.624.976
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	115.557.306.843	4.581.446.261	120.138.753.104
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	4.880.716.541
Tổng nợ phải trả	115.557.306.843	4.581.446.261	125.019.469.645

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>6 tháng đầu năm 2013</u>	<u>6 tháng đầu năm 2012</u>
		VND	VND
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
- Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP	Thành viên TCT	457.699.011	545.745.541

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
		VND	VND
Phải trả tiền hàng			
- Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP	Thành viên TCT	409.850.271	973.615.470
Phải trả khác			
- Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP	Thành viên TCT	1.030.907.523	1.364.195.342

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>6 tháng đầu năm 2013</u>	<u>6 tháng đầu năm 2012</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	219.730.597	231.670.538

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC) kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

Lê Tất Hưng
Giám đốc

Trần Thị Kim Lan
Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
6 tháng đầu năm 2012							
Số dư đầu kỳ	60.000.000.000	17.169.335.000	(11.243.466)	2.007.495.080	2.522.991.459	7.458.727.309	89.147.305.382
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	(6.717.108.334)	(6.717.108.334)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	40.024.610	20.012.304	(60.036.914)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(126.014.765)	(126.014.765)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	11.243.466	-	-	-	11.243.466
Số dư cuối kỳ	60.000.000.000	17.169.335.000	-	2.047.519.690	2.543.003.763	555.567.296	82.315.425.749
6 tháng đầu năm 2013							
Số dư đầu kỳ	60.000.000.000	17.169.335.000	-	2.047.519.690	2.543.003.763	(2.134.389.393)	79.625.469.060
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	(482.313.729)	(482.313.729)
Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	-	-	1.337.605.920	-	-	-	1.337.605.920
Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	-	-	(1.337.605.920)	-	-	-	(1.337.605.920)
Số dư cuối kỳ	60.000.000.000	17.169.335.000	-	2.047.519.690	2.543.003.763	(2.616.703.122)	79.143.155.331

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	VND	VND	VND
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	18.000.000.000	30,00%	18.000.000.000	30,00%
Đối tượng khác	42.000.000.000	70,00%	42.000.000.000	70,00%
	60.000.000.000	100,00%	60.000.000.000	100,00%